

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Kim Cương

2. Ông Phù Thọ Bồn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng Cao C, sinh ngày 17/10/1992. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh ngày 05/9/1991. Vắng mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ N, ấp Bãi B, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Số N tái định cư C, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Hồng Cao C trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phúc T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2020 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T đi làm ăn xa vài tháng mới về một lần, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Nay bà xin ly hôn ông Nguyễn Phúc T.

- Về con chung: Bà C thừa nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà C thừa nhận không có.

- Về nợ chung: Bà C thừa nhận không có.

* Tại bản tự khai ngày 06/5/2025 bị đơn ông Nguyễn Phúc T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Hồng Cao C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/10/2020. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hoà giải nhưng không thành, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Nay ông đồng ý ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông T thừa nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông T thừa nhận không có.

- Về nợ chung: Ông T thừa nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời cũng xin Toà án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Phúc T là bị đơn có nơi cư trú tại số N tái định cư C, khu phố X, thị trấn K, huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: ông T là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Hồng Cao C và ông Nguyễn Phúc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2020 và được UBND xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy bà C và ông T là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà C và ông T đều xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, bà C yêu cầu ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn, chứng tỏ hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà C ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà C và ông T thừa nhận vợ chồng không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà C và ông T thừa nhận không có.

[6] Về nợ chung: Bà C và ông T thừa nhận không có.

[7] Về án phí: Bà C yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Phạm Hồng Cao C được ly hôn với ông Nguyễn Phúc T.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà C phải chịu án phí, được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009488 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2025). Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giang Phước Thành